

Bản án số: 55/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 7 - 2025.
V/v Tranh chấp xin ly hôn
và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Dũng

2. Bà Đinh Thị Phương Lan

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Vui - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – An Giang tham gia phiên tòa: Thuộc trường hợp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – An Giang không tham gia.

Ngày 30 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - An Giang xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 292/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2025 về việc tranh chấp xin ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2025/QĐST- HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Kim Q, sinh năm: 1999 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số E khu phố A, phường H, phường B, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Chị Chau Thị Huỳnh N, sinh năm: 1999 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp V, xã S, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn anh Kim Q trình bày:

Vào đầu năm 2020, anh với chị Chau Thị Huỳnh N quen biết, phát sinh tình cảm và đi đến hôn nhân, hai vợ chồng tổ chức lễ cưới đăng ký kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, T, tỉnh Trà Vinh.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, gia đình hai bên khuyên ngăn nhưng không được nên vợ chồng gia đình đã ly thân năm 2022. Vợ chồng chung sống có 01 con chung, tên Kim Ngọc An N1, sinh ngày 18/6/2021, hiện nay con chung do chị N nuôi dưỡng. Anh nhận thấy không còn tình cảm với chị N nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Anh yêu cầu Tòa án cho anh ly hôn với chị Chau Thị Huỳnh N.

- Về con chung: Anh với chị N có con chung tên Kim Ngọc An N1, sinh ngày 19/6/2021, hiện nay con chung đang do chị N nuôi dưỡng nên anh giao cho chị Chau Thị Huỳnh N nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn chị Chau Thị Huỳnh N trình bày:

Tại bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt chị Chau Thị Huỳnh N có ý kiến: Chị thống nhất trình bày của anh Kim Q về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Nay anh Kim Q yêu cầu ly hôn thì chị đồng ý và chị yêu cầu được nuôi con chung tên Kim Ngọc An N1 và không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Tại đơn xin xét xử vắng mặt: Anh Kim Q giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn, nuôi con chung và chia tài sản chung với chị Chau Thị Huỳnh N theo nội dung đơn khởi kiện. Do bận đi làm nên chị đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị tại phiên tòa sơ thẩm.

- Bị đơn chị Chau Thị Huỳnh N có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh Kim Q và chị Chau Thị Huỳnh N đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa nhưng anh Kim Q và chị Chau Thị

Huỳnh N có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Kim Q và chị Chau Thị Huỳnh N.

[2]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Kim Q thì quan hệ pháp luật được xác định là: “*Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con chung*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Do bị đơn chị Chau Thị Huỳnh N có địa chỉ cư trú tại xã S, huyện H, tỉnh Kiên Giang (nay xã S, tỉnh An Giang) nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - An Giang.

[3]. Về nội dung vụ án: Hôn nhân giữa anh Kim Q và chị Chau Thị Huỳnh N đã tuân thủ đúng các điều kiện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 19 tháng 9 năm 2020 nên căn cứ Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ hôn nhân giữa anh Kim Q và chị Chau Thị Huỳnh N là hợp pháp.

Xét yêu cầu khởi kiện và đơn xin xét xử vắng mặt của anh Kim Q, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo lời khai của anh Kim Q cho rằng, khi chung sống với chị N, anh với chị N thường xuyên mâu thuẫn, vợ chồng không yêu thương, không quan tâm, không chăm sóc lẫn nhau nên vợ chồng đã ly thân khoảng năm 2022 cho đến nay. Vì vậy, anh xác định anh không còn tình cảm với chị N nên anh kiên quyết giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với chị N.

Xét lời khai của anh Kim Q phù hợp với lời khai của chị Chau Thị Huỳnh N. Theo đó, chị N thừa nhận vợ chồng đã ly thân từ năm 2022 nên hôn nhân không hạnh phúc. Do đó, anh Q yêu cầu ly hôn thì chị đồng ý nên yêu cầu xin ly hôn của anh Q có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[4]. Về quan hệ con chung: Anh Kim Q và chị N có một con chung tên Kim Ngọc An N1, sinh ngày 18/6/2021, đang do chị N trực tiếp nuôi nên ly hôn anh đồng ý giao con chung cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, con chung đang do chị N nuôi dưỡng và chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Đồng thời, anh Kim Q cũng tự nguyện giao con chung cho chị N nuôi dưỡng. Đây là sự tự nguyện của đương sự không vi phạm

pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

[5]. *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Kim Q không cấp dưỡng nuôi con chung và chị Chau Thị Huỳnh Như K yêu cầu anh Kim Q phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. *Về chia tài sản chung, nợ chung*: Anh Kim Q và chị Chau Thị Huỳnh Như K yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Anh Kim Q phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, 227, 228, 235, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 8, Điều 9, Điều 19, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Kim Q được ly hôn với chị Chau Thị Huỳnh N.

2. Về quan hệ con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Kim Q giao con chung tên Kim Ngọc An N1, sinh ngày 18/6/2021 cho chị Chau Thị Huỳnh N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Kim Q được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản anh Kim Q thực hiện quyền này.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Chau Thị Huỳnh Như K yêu cầu anh Kim Q phải cấp dưỡng nuôi con chung và anh Kim Q cũng không cấp dưỡng nuôi con chung nên không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Kim Q và chị Chau Thị Huỳnh Như K yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm: Buộc anh Kim Q phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (*bằng chữ: ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí mà anh Kim Q đã nộp theo biên lai thu tiền số 0015968 ngày 18 tháng 6 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang (nay Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – An Giang).

6. Quyền kháng cáo: Anh Kim Q và chị Chau Thị Huỳnh N vắng mặt tại phiên toà nên được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 4 - An Giang;
- Phòng THADS khu vực 4 – An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tú Quỳnh